

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU
ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

đã được kiểm toán

Lưu NVA

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 44
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 36
Phụ lục 01: Chi tiết vật tư, hàng hoá giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	37 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 882/998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ giao thông vận tải, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh 103444 cấp ngày 20 tháng 7 năm 1998. Theo quyết định số 1201/QĐ-ĐS ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên đường sắt Việt Nam chuyển Công ty Thông tin Tín hiệu đường sắt Sài Gòn thành Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Hoạt động của Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301097524 ngày 08 tháng 12 năm 2010. Từ ngày 19 tháng 01 năm 2016, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301097524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Ưông Nhật Phương	Chủ tịch
Ông Đàm Ngọc Mẫn	Uỷ viên
Ông Đậu Trường Thành	Uỷ viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

Các thành viên của Ban Giám đốc và Phụ trách kế toán trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đàm Ngọc Mẫn	Giám đốc
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Công Thành	Phó Giám đốc
Ông Dương Ngọc Thắng	Phó Giám đốc
Bà Ngô Thị Loan	Phụ trách kế toán

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Trần Thị Ánh Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Lý Bá	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Đàm Ngọc Mẫn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh phía Bắc đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. 

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Đàm Ngọc Mẫn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Số : 03.12.1.1/25/BCTC/NVA.CNPB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán NVA
– Chi nhánh Phía Bắc
Giám đốc



Phạm Văn Cường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2922-2024-152-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Thu Thủy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6182-2023-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		95.292.862.166	74.906.616.031
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.966.314.647	6.455.882.553
1.	Tiền	111		2.731.314.647	4.455.882.553
2.	Các khoản tương đương tiền	112		2.235.000.000	2.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.069.819.222	50.835.992.336
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	63.287.731.011	53.858.693.279
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		940.416.515	84.200.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.445.561.652	642.154.268
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.04	(1.603.889.956)	(3.749.055.211)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	25.608.368.129	17.614.741.142
1.	Hàng tồn kho	141		25.608.368.129	17.614.741.142
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		648.360.168	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	648.360.168	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.734.537.509	15.835.136.785
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	146.708.750
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	20.000.000	146.708.750
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		11.484.227.976	10.121.490.499
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	10.464.465.476	9.800.052.999
	- Nguyên giá	222		35.149.548.621	33.351.208.294
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24.685.083.145)	(23.551.155.295)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	1.019.762.500	321.437.500
	- Nguyên giá	228		1.135.500.000	373.500.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(115.737.500)	(52.062.500)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		6.230.309.533	5.566.937.536
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	6.230.309.533	5.566.937.536
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		113.027.399.675	90.741.752.816

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		69.790.209.953	48.337.923.205
I.	Nợ ngắn hạn	310		69.447.592.793	48.337.923.205
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	23.013.645.854	6.225.719.689
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	2.220.283.074	4.826.908.290
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.581.257.839	6.092.085.985
4.	Phải trả người lao động	314		17.264.891.080	11.410.531.746
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	72.903.778	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	2.855.814.708	4.865.907.636
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	20.392.564.957	13.797.144.777
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.046.231.503	1.119.625.082
II.	Nợ dài hạn	330		342.617.160	-
7.	Phải trả dài hạn khác		V.14	342.617.160	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.237.189.722	42.403.829.611
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	43.237.189.722	42.403.829.611
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.741.000.000	30.741.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.741.000.000	30.741.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		5.630.601.690	5.009.601.690
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.865.588.032	6.653.227.921
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		6.865.588.032	6.653.227.921
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		113.027.399.675	90.741.752.816

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Ngô Thị Loan

Ngô Thị Loan

Đàm Ngọc Mẫn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	211.182.781.529	175.319.241.903
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		211.182.781.529	175.319.241.903
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	183.340.279.264	148.377.070.178
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.842.502.265	26.942.171.725
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	176.856.284	251.544.279
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	417.247.983	489.917.031
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>417.247.983</i>	<i>489.917.031</i>
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	18.719.947.914	18.012.670.085
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.882.162.652	8.691.128.888
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	-	82.727.273
12.	Chi phí khác	32	VI.06	-	150.397.359
13.	Lợi nhuận khác	40		-	(67.670.086)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.882.162.652	8.623.458.802
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.016.574.620	1.970.230.881
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.865.588.032	6.653.227.921
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.354	1.302
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.354	1.302

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Đàm Ngọc Mẫn

Ngô Thị Loan

Ngô Thị Loan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		212.518.423.487	239.755.689.938
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(113.234.430.543)	(133.009.011.785)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(76.367.856.115)	(76.002.821.172)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(417.247.983)	(489.917.031)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(2.805.535.528)	(1.579.100.114)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		215.387.048	134.532.720
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.490.234.409)	(21.727.025.356)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.581.494.043)	7.082.347.200
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.298.840.327)	(1.470.501.364)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	91.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		176.856.284	251.544.279
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.121.984.043)	(1.127.957.085)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		34.981.629.140	23.610.808.473
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(28.386.208.960)	(27.489.438.039)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.381.510.000)	(3.381.510.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.213.910.180	(7.260.139.566)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(1.489.567.906)	(1.305.749.451)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.455.882.553	7.761.632.004
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền tại ngày cuối năm (70 = 50+60+61)	70		4.966.314.647	6.455.882.553

Người lập biểu

Phụ trách kế toán




Ngô Thị Loan

Ngô Thị Loan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2026



Đàm Ngọc Mẫn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Năm 2025**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 397 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 396 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 35 năm
- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 năm
- Phần mềm máy tính	20 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức được chia cho các cổ đông.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu kinh doanh bất động sản trong năm là doanh thu cho thuê văn phòng.

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; thuế môn bài và các loại thuế, phí và lệ phí khác; dịch vụ mua ngoài (phí ngân hàng, điện, nước...); chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị,...).

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

14. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

15. Thông tin về bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	2.731.314.647	4.455.882.553
+ Tiền mặt	603.634.588	308.574.842
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.127.680.059	4.147.307.711
- Các khoản tương đương tiền (*)	2.235.000.000	2.000.000.000
Cộng	<u>4.966.314.647</u>	<u>6.455.882.553</u>

(*) Trong đó:

- Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng có giá trị 2.000.000.000 đồng và hai khoản tiền gửi cầm cố có giá trị lần lượt là 120.000.000 đồng và 115.000.000 đồng cầm cố tại được gửi tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh với lãi suất là 1,6%/năm.

02. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>63.344.166.056</u>	<u>53.858.693.279</u>
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	50.069.953.630	39.104.893.259
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	143.458.691	46.805.384
- Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam - Chi nhánh TCT Truyền tải điện Quốc Gia	54.442.764	54.442.764
- Ban Quản lý Dự án Đường sắt	236.016.375	5.720.103.968
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình Hà Nội	3.155.139.001	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	1.831.929.752	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	7.853.225.843	8.932.447.904
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>63.344.166.056</u>	<u>53.858.693.279</u>

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	52.761.753.674	39.604.251.443
Cộng	<u>52.761.753.674</u>	<u>39.604.251.443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.445.561.652	-	642.154.268	-
- Tạm ứng	468.451.072	-	299.629.979	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	182.970.082	-	168.450.082	-
- Phải thu khác	794.140.498	-	174.074.207	-
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	322.600.000	-	-	-
+ Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Phú Khánh	450.554.217	-	-	-
+ Thu tiền Thuế TNCN của người lao động	-	-	142.234.246	-
+ Các khoản phải thu khác	20.986.281	-	31.839.961	-
b. Dài hạn	20.000.000	-	146.708.750	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	20.000.000	-	146.708.750	-
Cộng	1.465.561.652	-	788.863.018	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng ADC	-	-	377.278.922	-
- Xí nghiệp 303 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	-	-	116.576.969	-
- Công ty Cổ phần Vĩnh Nguyên	-	-	655.152.060	-
- Ban quản lý dự án Thủy điện 6	-	-	16.119.650	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	-	43.222.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	-	-	117.024.166	-
- Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	-	-	92.596.139	-
- Tổng thầu gói EPC- Dự án hiện đại hóa TTTT Vinh -SG (Cục 6 ĐSTQ)	-	-	11.489.524	-
- Trung tâm Phát triển quỹ đất Huyện Tuy An	-	-	6.640.000	-
- Ban QLDA các công trình điện Miền Trung-Tổng Công ty Truyền tải Điện Quốc Gia	-	-	4.091.350	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà- Xí nghiệp Sông Đà 10.2	-	-	505.682.390	-
- Chi nhánh Sông Đà 11.5 - Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	-	-	72.857.040	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	-	-	20.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đồng Thuận	-	-	56.435.045	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Nam Tiến	520.654.000	-	520.654.000	-
- Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát	716.491.549	-	716.491.549	-
- Công ty Cổ Phần Cơ Giới và Xây dựng Thăng Long	126.469.500	-	126.469.500	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đất Việt	95.404.126	-	95.404.126	-
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện 2	144.870.781	-	194.870.781	-
Cộng	1.603.889.956	-	3.749.055.211	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	4.178.129.242	-	6.432.933.915	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.430.238.887	-	11.181.807.227	-
Cộng	25.608.368.129	-	17.614.741.142	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại Ngân hàng thương mại tại thời điểm cuối năm là 25.608.368.129 đồng.

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>17.768.663.589</i>	<i>5.321.842.324</i>	<i>10.106.118.472</i>	<i>154.583.909</i>	<i>33.351.208.294</i>
- Mua trong năm	-	-	1.536.840.327	261.500.000	1.798.340.327
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>17.768.663.589</i>	<i>5.321.842.324</i>	<i>11.642.958.799</i>	<i>416.083.909</i>	<i>35.149.548.621</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>11.095.026.997</i>	<i>5.027.756.982</i>	<i>7.361.088.316</i>	<i>67.283.000</i>	<i>23.551.155.295</i>
- Khấu hao trong năm	549.485.077	140.960.342	428.153.340	15.329.091	1.133.927.850
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>11.644.512.074</i>	<i>5.168.717.324</i>	<i>7.789.241.656</i>	<i>82.612.091</i>	<i>24.685.083.145</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>6.673.636.592</i>	<i>294.085.342</i>	<i>2.745.030.156</i>	<i>87.300.909</i>	<i>9.800.052.999</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>6.124.151.515</i>	<i>153.125.000</i>	<i>3.853.717.143</i>	<i>333.471.818</i>	<i>10.464.465.476</i>

Tại ngày 31/12/2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 12.180.524.440 đồng.

Tại ngày 31/12/2025, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 3.502.009.999 đồng và 2.171.306.073 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	373.500.000	373.500.000
- Mua trong năm	762.000.000	762.000.000
- Giảm khác		-
Số dư cuối năm	1.135.500.000	1.135.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	52.062.500	52.062.500
- Khấu hao trong năm	63.675.000	63.675.000
- Giảm khác		-
Số dư cuối năm	115.737.500	115.737.500
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	321.437.500	321.437.500
2. Tại ngày cuối năm	1.019.762.500	1.019.762.500

Tại ngày 31/12/2025, không có tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

08. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	6.230.309.533	5.566.937.536
- Tiền thuê đất dài hạn	3.132.474.267	3.231.394.507
- Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ	-	37.291.667
- Chi phí sửa chữa tài sản	2.684.982.488	2.298.251.362
- Chi phí đào tạo	412.852.778	-
Cộng	6.230.309.533	5.566.937.536

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
- <i>Vay ngân hàng</i>	13.797.144.777	13.797.144.777	34.981.629.140	28.386.208.960	20.392.564.957	20.392.564.957
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu (nay là Chi nhánh TP Hồ Chí Minh) (*)	13.797.144.777	13.797.144.777	24.981.629.140	28.386.208.960	10.392.564.957	10.392.564.957
- <i>Vay đối tượng khác</i>	-	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam (**)	-	-	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	13.797.144.777	13.797.144.777	34.981.629.140	28.386.208.960	20.392.564.957	20.392.564.957

Thông tin chi tiết về khoản vay:

(*): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (BIDV – TP Hồ Chí Minh) theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/14780342/HĐTD ngày 26/11/2024, hạn mức tối đa: 70.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động (cho vay, bảo lãnh, mở L/C) thời hạn vay 12 tháng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất trong năm là 6,8 - 7,2%/năm.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/14780342/HĐTD ngày 24/12/2025, hạn mức tối đa: 70.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động (cho vay, bảo lãnh, mở L/C) thời hạn vay 12 tháng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất trong năm là 6,8 %/năm.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Hàng tồn kho, quyền tài sản phát sinh từ các Hợp đồng thi công xây lắp của Công ty hình thành từ vốn vay tại BIDV- TP Hồ Chí Minh, bao gồm nhưng không giới hạn hàng tồn kho luân chuyển là các nguyên liệu, vật liệu,.. trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Khoản phải thu của Công ty hình thành từ vốn vay tại BIDV- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh;
- Bất động sản thuộc sở hữu của bên thứ ba;
- Xe ô tô tải 1.49 tấn Hiệu KIA THACO FRONTIER - BKS:51D-624.72;
- Xe ô tô con hiệu VINFAST LUX A2.0 Plus S5B1ALRVN - BKS:51H-339.71;
- Xe ô tô nhãn hiệu Ford, số loại: Everest, biển số đăng ký: 51L - 287.61;
- Xe ô tô khách nhãn hiệu Ford, số loại: TRANSIT JX6581TA-M5-BKS: 51B-511.71.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**(**):** Khoản vay Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay vốn 05/2025/HĐVV ngày 26/11/2025 với số tiền cho vay là 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán vật tư, vật liệu và nhân công cứu chữa, khắc phục hậu quả thiệt hại do bão số 13 (Kalmaegi) từ Km 1095+540 đến Km 1235+070 tuyến đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh. Thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay 0%. Khoản vay được đảm bảo bởi tín chấp.
- Hợp đồng vay vốn 07/2025/HĐVV ngày 09/12/2025 với số tiền cho vay là 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán vật tư, vật liệu và nhân công cứu chữa, khắc phục hậu quả thiệt hại do ảnh hưởng của mưa lớn tại khu vực miền Trung Bộ gây ra trên tuyến đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh. Thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay 0%. Khoản vay được đảm bảo bởi tín chấp.

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	23.013.645.854	23.013.645.854	6.225.719.689	6.225.719.689
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Nhân Tín	4.095.776.804	4.095.776.804	305.359.202	305.359.202
- Công ty Cổ phần Persi Việt Nam	2.168.790.120	2.168.790.120	173.976.000	173.976.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Trường An	1.221.516.340	1.221.516.340	586.010.700	586.010.700
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Quốc tế LS	1.659.179.160	1.659.179.160	-	-
- Công ty TNHH Phát triển Sản xuất và Dịch vụ HQ	1.556.823.070	1.556.823.070	11.421.520	11.421.520
- Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Tấn Lợi	-	-	936.705.000	936.705.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đường sắt Đông Dương	-	-	872.287.680	872.287.680
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	12.311.560.360	12.311.560.360	3.339.959.587	3.339.959.587
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	23.013.645.854	23.013.645.854	6.225.719.689	6.225.719.689

Trong đó:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	3.516.397.000	3.516.397.000	342.634.995	342.634.995
Cộng	3.516.397.000	3.516.397.000	342.634.995	342.634.995

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
 Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: VND

a. Ngắn hạn

- Trung tâm Phát triển quỹ đất Khánh Hòa
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công Trình 3
- Công ty TNHH Đầu tư BOT Bình Lợi
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Thành phố Dĩ An
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác

b. Dài hạn

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	2.220.283.074	4.826.908.290
	1.376.433.731	1.376.433.731
	-	-
	597.627.527	597.627.527
	-	761.988.914
	28.426.816	724.680.000
	217.795.000	1.366.178.118
	-	-
	2.220.283.074	4.826.908.290

Trong đó:

- Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)

Cộng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	-	344.848.300
	-	344.848.300

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số phải thu đầu năm</u>	<u>Số phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số phải thu cuối năm</u>	<u>Số phải nộp cuối năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	4.957.517.244	7.360.727.847	10.093.064.719	-	2.225.180.372
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.134.568.741	2.016.574.620	2.805.535.528	-	345.607.833
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	524.418.250	513.948.616	-	10.469.634
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.539.424.440	3.187.784.608	648.360.168	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	-	6.092.085.985	12.447.145.157	16.606.333.471	648.360.168	2.581.257.839

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	72.903.778	-
- Các khoản trích trước khác	72.903.778	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	72.903.778	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	2.855.814.708	4.865.907.636
- Kinh phí công đoàn	11.339.725	616.593
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	44.074.000	405.050.160
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.800.400.983	4.460.240.883
+ <i>Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Sài Gòn</i>	2.359.611.084	114.305.631
+ <i>Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Thuận Hải</i>	407.854.931	1.636.471.772
+ <i>Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Phú Khánh</i>	-	2.709.463.480
+ Các đối tượng khác	32.934.968	-
b. Dài hạn	342.617.160	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	342.617.160	-
Cộng	3.198.431.868	4.865.907.636

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	30.741.000.000	4.388.601.690	6.653.011.465	41.782.613.155
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	6.653.227.921	6.653.227.921
Phân phối lợi nhuận	-	621.000.000	(6.653.011.465)	(6.032.011.465)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	30.741.000.000	5.009.601.690	6.653.227.921	42.403.829.611
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	6.865.588.032	6.865.588.032
Phân phối lợi nhuận (*)	-	621.000.000	(6.653.227.921)	(6.032.227.921)
Số dư cuối năm	30.741.000.000	5.630.601.690	6.865.588.032	43.237.189.722

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn số 24/NQ - ĐHĐCĐ thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2025, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	621.000.000
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.408.467.921
Trích Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	242.250.000
Trích cổ tức chi trả	3.381.510.000
Tổng	6.653.227.921

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	23.292.000.000	75,77	23.292.000.000	75,77
Vốn góp của các cổ đông khác	7.449.000.000	24,23	7.449.000.000	24,23
Cộng	30.741.000.000	100	30.741.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.741.000.000	30.741.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.741.000.000	30.741.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.381.510.000	3.381.510.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.074.100	3.074.100
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.074.100	3.074.100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.074.100</i>	<i>3.074.100</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.074.100	3.074.100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.074.100</i>	<i>3.074.100</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	5.630.601.690	5.009.601.690
Cộng	5.630.601.690	5.009.601.690

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Tài sản nhận giữ hộ**

Công ty nhận giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam vật tư thu hồi (Chi tiết xem tại Phụ lục 01: Chi tiết vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam).

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	1.959.347.116	-

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu quản lý, bảo trì thường xuyên	143.794.944.695	140.287.750.925
- Doanh thu hoạt động khác	67.387.836.834	35.031.490.978
Cộng	211.182.781.529	175.319.241.903

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	189.985.951.159	141.074.799.389

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn quản lý, bảo trì thường xuyên	120.581.515.503	117.800.260.116
- Giá vốn của hoạt động khác	62.758.763.761	30.576.810.062
Cộng	183.340.279.264	148.377.070.178

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	176.856.284	251.544.279
Cộng	176.856.284	251.544.279

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	417.247.983	489.917.031
Cộng	417.247.983	489.917.031

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	82.727.273
Cộng	-	82.727.273

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản nộp ngân sách nhà nước	-	92.278.085
- Các khoản khác	-	58.119.274
Cộng	-	150.397.359

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	18.905.766.053	18.487.150.793
- Chi phí nhân viên quản lý	8.796.106.176	12.381.908.463
- Chi phí khấu hao TSCĐ	954.121.550	835.246.386
- Thuế, phí và lệ phí	2.173.013.921	1.840.950.509
- Chi phí dự phòng	-	416.744.407
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.532.359.680	2.449.819.582
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.450.164.726	562.481.446
c. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(185.818.139)	(474.480.708)
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(185.818.139)	(474.480.708)
Cộng	18.719.947.914	18.012.670.085

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.829.447.323	1.970.230.881
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	187.127.297	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.016.574.620	1.970.230.881

(*) Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.882.162.652	8.623.458.802
Các khoản điều chỉnh tăng	265.073.963	1.227.695.605
+ Chi phí không được trừ	265.073.963	1.227.695.605
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	9.147.236.615	9.851.154.407
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập	1.829.447.323	1.970.230.881

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	6.865.588.032	6.653.227.921
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản lý điều hành (*)	2.703.935.000	2.650.717.921
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.865.588.032	6.653.227.921
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.074.100	3.074.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.354	1.302

(*): Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản lý điều hành trích lập từ lợi nhuận năm 2025 tạm tính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn số 24/NQ - ĐHĐCĐ thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Đơn vị tính: VND

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	6.865.588.032	6.653.227.921
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu Cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.865.588.032	6.653.227.921
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản lý điều hành (*)	2.703.935.000	2.650.717.921
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.074.100	3.074.100
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.354</u>	<u>1.302</u>

(*): Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản lý điều hành trích lập từ lợi nhuận năm 2025 tạm tính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn số 24/NQ - ĐHĐCĐ thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2025.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.296.429.743	39.786.148.312
- Chi phí nhân công	102.393.221.834	93.986.019.768
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.197.602.850	1.032.898.503
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.140.989.422	20.171.803.945
- Chi phí khác bằng tiền	12.466.233.128	3.112.714.709
- Chi phí dự phòng	(185.818.139)	(57.736.301)
Cộng	<u>212.308.658.838</u>	<u>158.031.848.936</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Phụ trách kế toán và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	3.345.259.482	2.759.966.001
Cộng	<u>3.345.259.482</u>	<u>2.759.966.001</u>

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt năm 2025:

Năm nay	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng</u>
Ông Ưông Nhật Phương	Chủ tịch HĐQT	446.849.766	20.236.800	467.086.566
Ông Đàm Ngọc Mẫn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	455.000.656	-	455.000.656
Ông Đậu Trường Thành	Thành viên HĐQT	373.348.796	30.000.000	403.348.796
Phạm Công Thành	Phó Giám đốc	388.415.665	16.189.440	404.605.105
Trần Anh Tuấn	Phó Giám đốc	387.815.666	-	387.815.666
Ông Dương Ngọc Thắng	Phó Giám đốc	395.261.221	-	395.261.221
Bà Ngô Thị Loan	Phụ trách kế toán	353.211.203	-	353.211.203
Bà Trần Thị Ánh Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	326.947.655	-	326.947.655
Bà Nguyễn Thị Lý Bá	Thành viên Ban kiểm soát	139.982.614	12.000.000	151.982.614
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	299.977.380	12.000.000	311.977.380
Cộng		<u>3.266.833.242</u>	<u>78.426.240</u>	<u>3.345.259.482</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt năm 2024:

	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	<i>Đơn vị tính: VND</i> Cộng
Năm trước				
Ông Ưông Nhật Phương	Chủ tịch HĐQT	479.370.392	19.570.400	498.940.792
Ông Đàm Ngọc Mẫn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	206.993.609	-	206.993.609
Ông Đậu Trường Thành	Thành viên HĐQT	339.972.407	30.000.000	369.972.407
Phạm Công Thành	Phó Giám đốc	104.335.852	2.698.240	107.034.092
Trần Anh Tuấn	Phó Giám đốc	104.335.852	-	104.335.852
Ông Dương Ngọc Thắng	Phó Giám đốc	358.553.139	-	358.553.139
Bà Ngô Thị Loan	Phụ trách kế toán	320.265.040	-	320.265.040
Bà Trần Thị Ánh Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	298.256.179	-	298.256.179
Bà Nguyễn Thị Lý Bá	Thành viên Ban kiểm soát	201.546.621	12.000.000	213.546.621
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	270.068.270	12.000.000	282.068.270
Cộng		2.683.697.361	76.268.640	2.759.966.001

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ, hàng hoá	189.985.951.159	141.074.799.389
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	186.172.672.132	140.287.750.925
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	1.995.556.614	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	-	526.224.074
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	260.824.390
- Công ty Cổ phần Đường sắt Nghĩa Bình	73.160.213	-
- Công ty Cổ phần Đường Sắt Thuận Hải	509.670.656	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	1.063.223.915	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	171.667.629	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.277.923.023	-
- Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	236.383.400	-
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	128.500.000	-
- Công ty Cổ phần Đường Sắt Thuận Hải	1.296.459.822	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	616.579.801	-
Chi trả cổ tức	2.562.120.000	2.562.120.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.562.120.000	2.562.120.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	52.761.753.674	39.604.251.443
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	50.069.953.630	39.104.893.259
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	1.831.929.752	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	143.458.691	46.805.384
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	200.000.000	452.552.800
- Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	503.433.528	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	12.978.073	-
Phải thu khác ngắn hạn	322.600.000	-
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	322.600.000	-
Cộng nợ phải thu	53.084.353.674	39.604.251.443
Phải trả người bán ngắn hạn	3.516.397.000	342.634.995
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	2.706.608.856	73.107.256
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	809.788.144	269.527.739
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	344.848.300
- Công ty Cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	-	344.848.300
Cộng nợ phải trả	3.516.397.000	687.483.295

03. Thông tin về bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh:**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động quản lý, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia và xây dựng các công trình thông tin tín hiệu, điện.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.966.314.647	-	6.455.882.553	-	4.966.314.647	6.455.882.553
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.138.306.554	(1.660.325.001)	54.032.767.486	(3.749.055.211)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	69.104.621.201	(1.660.325.001)	60.488.650.039	(3.749.055.211)	4.966.314.647	6.455.882.553
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	23.013.645.854	6.225.719.689	(*)	(*)		
Vay và nợ	20.392.564.957	13.797.144.777	(*)	(*)		
Chi phí phải trả	72.903.778	-	(*)	(*)		
Các khoản phải trả khác	2.800.400.983	4.460.240.883	(*)	(*)		
Cộng	46.279.515.572	24.483.105.349				

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày cuối năm				
Phải trả cho người bán	23.013.645.854	-	-	23.013.645.854
Vay và nợ	20.392.564.957	-	-	20.392.564.957
Chi phí phải trả	72.903.778	-	-	72.903.778
Các khoản phải trả khác	2.800.400.983	-	-	2.800.400.983
Cộng	46.279.515.572	-	-	46.279.515.572
Tại ngày đầu năm				
Phải trả cho người bán	6.225.719.689	-	-	6.225.719.689
Vay và nợ	13.797.144.777	-	-	13.797.144.777
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	4.460.240.883	-	-	4.460.240.883
Cộng	24.483.105.349	-	-	24.483.105.349

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Ngô Thị Loan

Ngô Thị Loan

Đàm Ngọc Mẫn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Phụ lục 01: Chi tiết vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

STT	Danh mục vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2025
A	Từ bảo dưỡng thường xuyên		
	Tuyến ĐS Hà Nội - Tp. HCM từ Km: 1095+540 đến Km: 1726+200		
I	Cáp chập, đứt, cháy các loại(cáp thông tin, tín hiệu treo)		68.901
1	Cáp đồng thông tin treo 10*2*0,5 mm	m	7.917
2	Cáp đồng thông tin treo 10*2*0,9 mm	m	2.042
3	Cáp đồng thông tin treo 2*4*0,9 mm	m	5.432
4	Cáp đồng thông tin treo 20*2*0,5 mm	m	2.573
5	Cáp đồng thông tin treo 3*4*0,9 mm	m	4.729
6	Cáp đồng thông tin treo 5*2* 0,5 mm	m	10.259
7	Cáp đồng thông tin treo 5*2* 0,9 mm	m	1.586
8	Cáp tín hiệu treo 5*1 mm	m	14.216
9	Cáp đồng treo 5x2x1 mm	m	9.532
10	Cáp đồng treo 2x4x1 mm	m	2.450
11	Cáp đồng treo 3x4x1 mm	m	2.212
12	Cáp quang 12 F0	m	490
13	Cáp đồng treo 10x2x1 mm	m	5.463
II	Phụ kiện tín hiệu gồm:(tay quay ghi, cần liên kết, thanh gá lắp, tủ điều khiển đường ngang....)		12.255
1	Bàn gang khủy ghi, khủy vuông góc	bộ	36
2	Bảng đèn led đỏ	cái	933
3	Bảng đèn led vàng	cái	367
4	Biến áp BD-1	cái	51
5	Bộ chuyển đổi 12V BD1-7	cái	19
6	Biến áp CT5	cái	35
7	Biến áp BX1-34	cái	32
8	Biến áp DDX	cái	11
9	Biến áp DZD-BT	cái	121
10	Biển báo hiệu 242a	cái	393
11	Biển báo hiệu 242b	cái	18
12	Biển báo hiệu "Đèn đỏ dừng lại"	cái	290
13	Biển báo hiệu "Dừng lại quan sát tàu hỏa khi qua đường sắt"	cái	385
14	Biển ghi	cái	206
15	Biển thế BG các loại 13,2/2,2; 24/2,4, 2,2/2,2	cái	53
16	Block máy lạnh	cái	45
17	Bộ báo sọi đốt PB3	bộ	10
18	Bộ biểu trí ghi	bộ	35
19	Thanh biểu thị ghi	thanh	6
20	Thanh động tác ghi	thanh	10
21	Bộ cắt lọc sét đường nguồn TSG 1130 2s	bộ	79
22	Bộ chống sét lan truyền V20-C	bộ	1
23	Bộ chuyển đổi converter quang điện	bộ	16
24	Bộ chống sét TDS 1100 3 pha	bộ	10

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Danh mục vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2025
25	Bộ chống sét TDS 1100	bộ	23
26	Bộ chuyển đổi nguồn điện 220V/24V, 24v-12V/5A-30A	bộ	202
27	Bộ Converter E1 - LAN	bộ	9
28	Bộ đề MPĐ	Bộ	2
29	Bộ điều chỉnh nhiệt độ tủ CBTĐ	bộ	80
30	Bộ giám sát ĐN CBTĐ	cái	61
31	Bộ giao tiếp CCTĐ	cái	57
32	Bộ giao tiếp internet GSTX	cái	8
33	Bộ giao tiếp ra CBTĐ	cái	24
34	Bộ giao tiếp ra có gác	cái	16
35	Bộ giao tiếp vào cảm biến từ GS-20	cái	111
36	Bộ giao tiếp vào CBTĐ	cái	4
37	Bộ giao tiếp vào có gác	cái	12
38	Bộ khóa chặt ghi	bộ	36
39	Bộ máy tính	cái	23
40	Bộ nạp nguồn 220VAC/48VDC (TĐ Hipath)	bộ	3
41	Bộ nạp nhanh 220v/18-24v	bộ	1
42	Bộ nguồn DZY 48/30;48/50	bộ	48
43	Mainboard máy tính	cái	4
44	Bộ Swich 4 cổng (8 cổng)	cái	9
45	Bộ nguồn máy tính	cái	5
46	Bộ nguồn sạc tự động 220/24V, 15A-30A	bộ	133
47	Bộ rung 24 VDC/110VAC	bộ	6
48	Swich 3 com 16 port	cái	1
49	Bộ tay quay ghi điện,	bộ	60
50	Bộ ổn định tần số	bộ	3
51	Bản khóa hình quạt	cái	14
52	Bộ thu chuông	bộ	77
53	Bộ tiếp điểm tự động	bộ	24
54	Bộ tiếp điểm báo chế ghi	bộ	22
55	Bóng đèn 12v/25W	cái	-
56	Bộ UPS 6KVA	bộ	19
57	Bộ UPS 2,2KVA	bộ	2
58	Board điều khiển máy nổ	bộ	20
59	Bo điều khiển máy lạnh	cái	1
60	Cảm biến đếm trục (đầu phát, thu)	bộ	56
61	Cảm biến quang	bộ	9
62	Cảm biến từ SR20	bộ	761
63	Camera Hikvision	cái	60
64	Camera IP Vstarcam C7816WIP	cái	11
65	Cần đẩy biểu trí 1600 mm	cái	30
66	Cần đẩy biểu trí 2250 mm	cái	13
67	Cần điều chỉnh độ khít lưới ghi 2200mm	cái	14
68	Cần điều chỉnh độ khít lưới ghi 2500mm	cái	37
69	Cần đuôi chuột HKĐ	cái	22
70	Cần ngàm đứng 1650 mm	cái	6

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Danh mục vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2025
71	Card A21E1	card	34
72	Card ACU	card	66
73	Card âm thanh	cái	135
74	Card CBCPR (TĐ Hipath)	card	23
75	Card COMU	card	24
76	Card Congi	card	18
77	Card Sergi	card	10
78	Card Converter E1 - LAN	card	1
79	Card D12S	card	9
80	Card D75S	card	1
81	Card điều khiển cần chắn OPEN 4000	card	4
82	Card FXS (Muxline)	card	15
83	Card INU	card	9
84	Card IOU	card	13
85	Card L16-2ND	card	12
86	Card Matrixn	card	6
87	Card MIL (TĐ MDS 3400)	card	12
88	Card N1SL4	card	9
89	Card nguồn INVENSYS WR 1500 HICOM	card	1
90	Card nguồn PSUM (TĐ Hipath)	card	25
91	Card OUTU	card	31
92	Card P63E1	card	5
93	Card FAN	card	11
94	Card PDB	card	20
95	Card POWER	card	11
96	Card PSU	card	53
97	Card RGPA	card	7
98	Card RNG (TĐ MDS 3400)	card	9
99	Card SAP	card	6
100	Card Sergi	card	7
101	Card SUPU	card	3
102	Card Synth1N	card	26
103	Card thuê bao ASL- 8 (TĐ MDS 3400)	card	19
104	Card thuê bao DSL (TĐ MDS 3400)	card	5
105	Card thuê bao SLMA16 (TĐ Hipath)	card	27
106	Card thuê bao SLMA24 (TĐ Hipath)	card	4
107	Card H6-HWCB	card	2
108	Card H6-PWXO	card	2
109	Card Trung kế E&M (TĐ Hicom)	card	1
110	Card SCBH	card	2
111	Bộ nguồn MPS JWJ-C	Bộ	2
112	Điện trở điều chỉnh R6/65	Cái	1
113	Bộ cắt lọc sét 1 pha SRF 163N	Bộ	1
114	Giá rơ le chống rung	Cái	1
115	Đuôi đèn tín hiệu	Cái	75
116	Ổng cách điện	cái	120
117	Thanh răng (ghi DC)	thanh	3

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Danh mục vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2025
118	Thấu kính trắng D=163	Cái	10
119	Thấu kính trắng D=212	Cái	10
120	Card thuê bao SLMO8 (TD Hipath)	card	20
121	Card TIEL(Hipath)	card	14
122	Card TMS2 (Hipath)	card	22
123	Card TRU A	card	33
124	Card TRU B	card	24
125	Chuông 24VDC, chuông D=4inch	cái	42
126	Chuông điện	cái	2
127	Cơ cấu đèn TH ngăn đường (1 biểu thị)	cái	24
128	Cơ cấu đèn tín hiệu 2 biểu thị cao	cái	40
129	Cơ cấu đèn tín hiệu 2 biểu thị thấp	cái	26
130	Cơ cấu đèn tín hiệu 3 biểu thị cao	cái	18
131	Cơ cấu đèn tín hiệu 3 biểu thị thấp	cái	18
132	Cơ cấu đèn tín hiệu ĐN 2 BT	cái	87
133	Cơ cấu đèn tín hiệu ĐN 3 BT	cái	41
134	Con trượt ghi	cái	4
135	Công tắc đạp chân	Cái	60
136	Thân cột TH ĐN 3,2m	cái	45
137	Cột tín hiệu đường ngang 3,6m	cái	7
138	Đầu ghi hình chuẩn nén 6104-AHD	cái	34
139	Đế cắm rơ le	cái	50
140	Đế gang cột tín hiệu	cái	27
141	Đèn cản chắn 2 mặt đỏ trắng f 100 mm	cái	414
142	Đèn ghi thấp điện	cái	58
143	Đơn nguyên đài khổng chế 52,53,59,60	bộ	38
144	Động cơ cản chắn, máy chắn ĐN	cái	12
145	Khởi động từ 220V	cái	5
146	Đồng hồ A,V, Hz	cái	49
147	Hòm biến thế HB1 (XB1)	hòm	6
148	Hòm biến thế HB2	hòm	5
149	Hộp cáp 20 đôi	Hộp	50
150	Hộp cáp 50 đôi	Hộp	4
151	Hộp cáp HZ-12, HF-4	hộp	46
152	Hộp cáp HZ-24	hộp	18
153	Hộp khóa điện	hộp	47
154	Lá ép li hợp (Bộ giảm tốc)	bộ	19
155	Loa ĐN	cái	123
156	Mạch giao tiếp, giám sát cản chắn	cái	17
157	Màn hình 65inch	cái	2
158	Máy lạnh 1,5 HP	bộ	23
159	Máy lạnh 2HP	bộ	4
160	Máy lạnh 2,5 HP	bộ	2
161	Mô tơ điện	cái	24
162	Mô tơ quạt dàn lạnh	cái	12
163	Quạt dàn nóng máy lạnh	cái	1
164	Quạt làm mát ASIA	cái	7

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Danh mục vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2025
165	Quạt hút 220 VAC (tủ đếm trực)	cái	11
166	Tăng đơ dây co	cái	89
167	Card RSU8	card	1
168	Cách điện chữ I	cái	88
169	Block máy lạnh	cái	18
170	Bộ chuyển đổi converter quang điện	cái	5
171	Còi hú	cái	22
172	Công tắc chuyển mạch (CTHT)	cái	5
173	Pin máy hàn quang Fuzikura	cái	1
174	Ống dẫn Gas máy lạnh	m	12
175	Ống ghen các loại	m	54
176	Phích cắm	cái	39
177	Pin 3A	viên	48
178	Pin 9A	viên	29
179	Hộp chuông sensor, hộp chuông	hộp	12
180	Màn hình máy tính	cái	7
181	Máy lạnh 1,5, 2,5HP	bộ	9
182	Nút ấn khô phục	cái	24
183	Ống nhựa F21	m	30
184	Ống nhựa F27	m	12
185	Ống nhựa F27-34	m	30
186	Quạt làm mát ASIA	cái	14
187	Quạt thông gió	cái	16
188	Quạt thông gió công nghiệp	cái	1
189	Modul nguồn SZJ220/13, 16	modul	23
190	Modul nguồn SZZ 24/50	modul	14
191	Modul TAINET-336CX	bộ	13
192	Nắp bể accu 0,9*1,2 m	cái	28
193	Nắp bảo vệ cần áp lực	cái	21
194	Ô cứng đầu ghi	cái	32
195	Nút ấn 2 vị trí	cái	42
196	Nắp đậy bộ khóa chặt	cái	10
197	Ổn áp 24VDC-3A	cái	35
198	Ổn áp 1KVA, 2KVA ROBOT(90V-240V)	cái	23
199	PLC S7-200, 12000 CPU 224	bộ	177
200	Quạt 12 VDC -0,13A 3 dây	cái	155
201	Quạt 24VDC	cái	229
202	Quạt thông gió	cái	19
203	Rơ le JJC-400	cái	12
204	Rơ le JPXC1-1000	cái	35
205	Rơ le JSBXC-850	cái	-
206	Rơ le JWJXC-480	cái	22
207	Rơ le JZXC2-480	cái	5
208	Rơ le JWJXC-H125/0,44	cái	7
209	Rơ le JZCJ	cái	10
210	Rơ le JWXC1-1000	cái	21
211	Rơ le JWXC1-1700	cái	120

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Danh mục vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2025
212	Rơ le JWXC1-H340	cái	90
213	Rơ le JZXC1-H340	cái	10
214	Rơ le JZXC3-0.56	cái	25
215	Rơ le JYLXC-135/220	cái	5
216	Rơ le JZXC3-H18, H18F	cái	51
217	Rơ le tắt nguồn máy nổ	bộ	9
218	Role OMRON H3Y- 24VDC	cái	36
219	Role OMRON MK3-P22 ,AC220V	cái	58
220	Role OMRON MY2N 220VAC	cái	100
221	Rơ le chuyển mạch	cái	10
222	Swich 4 cổng	bộ	4
223	Tán che đèn tín hiệu	cái	20
224	Thanh chắn tự động 4m tròn, vuông	thanh	130
225	Thanh khóa các loại A,B	Cái	38
226	Bộ tay quay ghi cơ khí	bộ	32
227	Vỏ tủ ĐN CBTĐ	cái	22
228	Mô tơ quạt dàn lạnh	cái	4
229	Ổ khóa chuyên dùng mạ kẽm	cái	337
230	Ống sắt mạ kẽm F60 luồn cáp	m	86
231	Vỏ tủ rơ le ra ga	cái	7
232	Vỏ tủ rơ le vào ga	cái	9
233	Bánh xe, con lăn	Cái	72
234	Xà gỗ 2500*80*70 mm	cái	6
235	Bộ nguồn thông tin	cái	22
236	Thính, thoại cơ	cái	26
237	Ổn áp 24 VDC	cái	5
238	Ổ cứng máy tính	cái	3
239	Dây bọc 2x0,75 (dây súp đã chiến)	m	1.200
240	Dây câu ray các loại	sợi	5
241	Tụ đề máy lạnh	Cái	3
242	Port quang	port	2
243	Cảm biến điều hòa máy lạnh	cái	4
244	Chốt chẻ gãy	Cái	80
245	Bộ ODF 4 port	cái	5
246	Bàn phím máy tính	cái	7
247	Bàn đảo H	Cái	108
248	Bộ đầu nối mũi ghi	bộ	3
249	Ổn áp 12,5 KVA	bộ	3
250	Kính tán xạ D=216mm	cái	2
251	Bình xăng con	cái	2
252	Bộ đai ma sát	cái	2
253	Máy photo	máy	2
254	Óp giặt máy	cái	1
255	Măng xông cáp quang 12 F0	bộ	6
256	Ghế thủ dây	cái	1
257	Bộ tiếp điểm an toàn	cái	7
258	Dây nhảy quang các loại	sợi	40

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Danh mục vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2025
259	Biến áp BX30	cái	3
260	Card MCU	card	1
261	Bánh răng (ghi ĐC)	cái	4
262	Bộ converter 2 port quang - 4 line	cái	1
263	Card điều khiển cần chắn S-60	card	1
264	Cầu điốt máy nổ	cái	1
265	Chốt an toàn ghi cơ khí	cái	85
266	Drum + caddrige máy photo	cái	2
267	Nắp đậy chổi than	cái	1
III	Phụ kiện đường dây thông tin gồm:(dây lưỡng kim, sắt chống xà, cuống sứ ...)		6.882
1	Dây lưỡng kim F3mm	kg	4.143
2	Hộp cáp TT các loại	cái	23
3	Máy điện thoại NC HC-19	cái	108
4	Máy điện thoại Optiset	cái	81
5	Máy ĐT ấn phím	cái	376
6	Máy fax Brother 2840	máy	4
7	Sắt góc 100*100*10 mm 3,2m	thanh	20
8	Sắt góc 50x50x5 mm 2,5m	thanh	34
9	Sắt L100x100x10	m	87
10	Sắt V 50x50x5	m	95
11	Sắt V 75x75x6	m	36
12	Bát L	cái	6
13	Sắt chống xà 600x40x4mm	cái	620
14	Sắt chống xà 900x40x4mm	cái	600
15	Cột thông tin bê tông 7m	cột	10
16	Cuống sứ đảo+ê cu	cái	160
17	Cuống sứ thẳng+ê cu	cái	445
18	Thang cột TH	Cái	33
14	Máy điện thoại số (Bàn KDT)	máy	1
IV	Accu các loại		2.125
1	Accu acid kín khí 12V-200AH	binh	8
2	Accu acid kín khí 12V-100AH	binh	1.347
3	Ac quy a xít kín khí 12v 70AH	binh	527
4	Accu acid kín khí 12V-35AH	binh	136
5	Accu acid 12v 7-9AH	binh	107
B	Từ Công Trình Sản Xuất Kinh Doanh		
I	CT: Nâng cấp, cải tạo HN- TP.HCM, Gói 5, gói 6, gói 8 (CT: ĐN 994), gói 22, gói 23, gói 24, gói 25.		185
1	Biển báo các loại	biển	80
2	Tấm đan T2A	tấm	14
3	Tấm đan T1A	tấm	7
4	Gối kê	bộ	14
5	Tà vệt sắt	thanh	17
6	Ray hộ bánh P43		16
7	Đèn cảnh báo	biển	2
8	Cọc tiêu cũ	Cọc	10

STT	Danh mục vật tư thu hồi	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2025
9	Tấm đan T2A	tấm	6
10	Đài thao tác kiêm tủ điều khiển cũ	đài	19
C	Từ Công Trình Sản Xuất Kinh Doanh		-
I	CT: Sửa chữa, bổ sung hệ thống tín hiệu ĐN:Tuyến HN - Tp. HCM, Gói 30 đến gói 50.		186
1	Đài thao tác kiêm tủ điều khiển đường ngang	đài	70
2	Hệ tín hiệu đường bộ loại 1 cơ cấu 2	hệ	15
3	Cần chắn	cần	2
4	Cột tín hiệu đường bộ loại 1 cơ cấu 2	cột	6